

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Kết luận số 224-KL/TW ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW

Thực hiện Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Kết luận số 224-KL/TW ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW (Nghị quyết số 80/NQ-CP), Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ nêu trên, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Xây dựng Kế hoạch nhằm thống nhất trong công tác chỉ đạo, phân công cụ thể các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân xã, phường tổ chức thực hiện các nội dung công việc đạt hiệu quả theo Nghị quyết số 06-NQ/TW, Kết luận số 224-KL/TW và Nghị quyết số 80/NQ-CP của Chính phủ.

b) Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã nêu tại Nghị quyết số 06-NQ/TW, Kết luận số 224-KL/TW và Nghị quyết số 80/NQ-CP bằng những nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với thực tiễn tại thành phố Cần Thơ đảm bảo theo đúng lộ trình cụ thể.

2. Yêu cầu

a) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai thực hiện Kế hoạch bám sát tình hình thực tế và đề ra các giải pháp phù hợp, mang lại hiệu quả cao.

b) Đảm bảo phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị chủ trì trong quá trình triển khai các nhiệm vụ chủ yếu theo Kế hoạch.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

a) Đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng đô thị hóa, phát triển đô thị bền vững theo mạng lưới, hình thành một số đô thị, chuỗi đô thị động lực thông

minh kết nối với khu vực và thế giới. Kết cấu hạ tầng của đô thị, nhất là hạ tầng kỹ thuật khung và hạ tầng xã hội thiết yếu được xây dựng và phát triển đồng bộ, hiện đại.

b) Hoàn thiện cơ chế, chính sách về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị bền vững cơ bản được hoàn thiện. Kinh tế khu vực đô thị tăng trưởng nhanh, hiệu quả và bền vững.

c) Chất lượng sống tại đô thị ở mức cao, bảo đảm đáp ứng cơ bản nhu cầu về nhà ở và hạ tầng xã hội cho cư dân đô thị. Phát triển kiến trúc đô thị hiện đại, xanh, thông minh, giàu bản sắc, các yếu tố văn hóa đặc trưng được giữ gìn và phát huy.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030 đạt 50% trở lên.
- Tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên đạt khoảng 1,9 - 2,3%.
- Tỷ lệ đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị đảm bảo đạt mức quy định theo loại đô thị (loại II $\geq 22\%$ và loại III $\geq 17\%$). Phần đầu đạt khoảng 16 - 26% theo định hướng chung đối với khu vực đô thị tại Nghị quyết số 06-NQ/TW.
- Đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị đảm bảo mức quy định theo loại đô thị (loại II $\geq 8\text{m}^2/\text{người}$ và loại III $\geq 7\text{m}^2/\text{người}$). Phần đầu diện tích đất cây xanh bình quân trên mỗi người dân đô thị đạt khoảng 8 - 10 $\text{m}^2/\text{người}$ theo định hướng chung đối với khu vực đô thị tại Nghị quyết số 06-NQ/TW.
- Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị đạt 30,7 $\text{m}^2/\text{người}$. Phần đầu đạt 32 $\text{m}^2/\text{người}$ theo định hướng chung đối với khu vực đô thị tại Nghị quyết số 06-NQ/TW.
- Phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang, phổ cập dịch vụ mạng di động 5G, tỷ lệ dân số trưởng thành tại đô thị có tài khoản thanh toán điện tử trên 80%.
- Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt trên 95,8%; tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt tối thiểu 98%; tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt 100%.
- Tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường phần đầu đạt 100%.
- Phần đầu hoàn thành các nhiệm vụ phát triển đô thị thông minh (cụ thể: hoàn thành các tiêu chí đô thị thông minh cấp độ 1 (nền tảng) và phần đầu nâng cao một số tiêu chí đô thị thông minh đạt cấp độ 2 (liên kết hệ thống) trở lên).
- Phần đầu hoàn thành 16.900 căn nhà ở xã hội.

III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

(Chi tiết nội dung các chỉ tiêu, nhiệm vụ được trình bày tại Phụ lục I, Phụ lục II và Phụ lục III kèm theo Kế hoạch này).

1. Thống nhất nhận thức, hành động về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam

a) Thường xuyên, định kỳ tổ chức các hình thức tuyên truyền phổ biến việc triển khai thực hiện nội dung của Nghị quyết số 06-NQ/TW, Kết luận số 224-KL/TW và Nghị quyết số 80/NQ-CP.

b) Chủ trì: Sở Xây dựng phối hợp cùng các sở, ban, ngành và địa phương tổ chức thực hiện.

c) Thời gian thực hiện: năm 2022 - 2030 (định kỳ thực hiện hàng năm).

2. Nâng cao chất lượng quy hoạch và quản lý quy hoạch đáp ứng yêu cầu xây dựng, quản lý phát triển đô thị bền vững

(Các nhiệm vụ từ nhiệm vụ 1 đến nhiệm vụ 4 được cụ thể tại Phụ lục II phần I)

3. Đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại, liên kết, thích ứng với biến đổi khí hậu

(Các nhiệm vụ từ nhiệm vụ 5 đến nhiệm vụ 18 về đầu tư phát triển được cụ thể tại Phụ lục III).

4. Xây dựng các nhiệm vụ, đề án chuyên ngành

(Các nhiệm vụ từ nhiệm vụ 18a đến nhiệm vụ 22 được cụ thể tại Phụ lục II phần III)

5. Xây dựng các cơ chế chính sách, văn bản quy phạm pháp luật

(Các nhiệm vụ từ nhiệm vụ 23 đến nhiệm vụ 33 được cụ thể tại Phụ lục II phần IV).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Xây dựng

a) Là cơ quan đầu mối phối hợp sở, ban, ngành và địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo các nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ phân công tại Nghị quyết số 80/NQ-CP định kỳ hàng năm và theo yêu cầu của Bộ Xây dựng.

b) Chủ trì, phối hợp sở, ban, ngành và địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố điều phối, kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu theo yêu cầu của Nghị quyết số 06-NQ/TW, Kết luận số 224-KL/TW và Nghị quyết số 80/NQ-CP trên địa bàn thành phố.

2. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp sở, ban, ngành và địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố về việc xây dựng tổng mức và cân đối vốn phát triển thuộc ngân sách nhà nước; xây dựng định hướng và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi và các nội dung khác thuộc lĩnh vực ngành theo quy định pháp luật hiện hành.

b) Chủ trì, phối hợp sở, ban, ngành và địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Bộ Tài chính liên quan đến các nguồn vốn đầu tư trên địa bàn thành phố theo kế hoạch và theo yêu cầu của Bộ Tài chính.

3. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường có trách nhiệm nghiên cứu, chủ động lồng ghép các quan điểm chỉ đạo, các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của Nghị quyết số 06-NQ/TW, Kết luận số 224-KL/TW và Nghị quyết số 80/NQ-CP vào trong các quy hoạch, kế hoạch, chương trình có liên quan để tổ chức thực hiện thành công 02 Nghị quyết nêu trên.

4. Định kỳ hàng năm đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Kế hoạch này, cụ thể như sau:

a) Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân xã, phường gửi báo cáo về Sở Xây dựng trước ngày 02 tháng 12 hàng năm.

b) Sở Xây dựng chủ trì, tổng hợp báo cáo gửi Ủy ban nhân dân thành phố trước ngày 06 tháng 12 hàng năm.

5. Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 207/KH-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị; Kế hoạch số 179/KH-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng thực hiện Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ và Chương trình số 58-CTr/TU ngày 15/8/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng khóa XIV thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang thực hiện Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ và Chương trình số 104-CTr/TU ngày 16/5/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Các nội dung đã thực hiện theo Kế hoạch số 207/KH-UBND, Kế hoạch số 179/KH-UBND và Kế hoạch số 52/KH-UBND tiếp tục triển khai thực hiện và cập nhật theo Kế hoạch này.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Kết luận số 224-KL/TW ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

Trong quá trình triển khai thực hiện có khó khăn, vướng mắc đề nghị các sở, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường báo cáo kịp thời về Sở Xây dựng tham mưu tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

(Đính kèm: Phụ lục I, Phụ lục II và Phụ lục III)

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- CT, PCT UBND TP;
- UBMTTQVN TP và các Đoàn thể;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận TU;
- Các Sở, Ban ngành thành phố;
- UBND xã, phường;
- VP UBND TP;
- Công TTĐT TPCT;
- Lưu VT,CT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hòa